

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2019

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thế Trang Đền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Ông Bùi Văn Dệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1981; Địa chỉ: ấp Thập Tự, xã T, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Trần Lâm N, sinh năm: 1979; Địa chỉ: ấp Thập Tự, xã T, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 11/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Chị và bị đơn là anh Trần Lâm N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/3/2002. Thời gian đầu, vợ chồng cùng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống và có nhiều bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã không còn quan tâm lẫn nhau, không có tiếng nói chung, không tôn trọng lẫn nhau và không thể chung sống với nhau được nên chị đã bỏ nhà ra đi, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị có yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh N có 04 con chung tên Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 17/02/2002; Trần Thị Mỹ Quyên, sinh ngày 06/11/2004; Trần Thị Tú Phương, sinh ngày 08/3/2010; Trần Gia Bảo, sinh ngày 03/12/2013 hiện do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có yêu cầu sau khi vợ

chồng ly hôn chị giao cả 4 con chung cho anh N là người tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của anh Trần Lâm N, anh N trình bày:

Anh và chị M sống chung vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là vợ anh rất ghen tuông, vợ anh lại đi làm ăn xa, ít khi về nhà. Thời gian gần đây vợ anh ít về nhà và sau đó lại nộp đơn xin ly hôn với anh. Vợ chồng thật sự cũng chưa có mâu thuẫn gì lớn. Do anh vẫn mong muốn vợ anh quay trở lại hàn gắn tình cảm gia đình nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, anh cũng đồng ý trực tiếp nuôi cả 04 con chung, anh không yêu cầu vợ anh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N có yêu cầu xin xét xử vắng mặt và anh bận việc gia đình nên không thể tham gia giải quyết vụ án xin ly hôn được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Anh Trần Lâm N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M và anh N chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/3/2002 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị hạnh phúc chỉ có thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cãi vã với nhau, thường hay bất hòa, chị M bỏ nhà đi và sống ly thân với anh N từ năm 2016 cho đến nay. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống.

Hội đồng xét xử xét thấy anh N và chị M đã sống ly thân với nhau, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay đã 03 năm, anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ như chồng. Do chị M không còn tình cảm với anh N nữa nên chị có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị M không còn tình cảm với anh N và cương quyết xin ly hôn với anh N. Tòa án đã động viên chị M hàn gắn với anh N và anh N không đồng ý ly hôn nhưng chị M không quay lại hàn gắn, chị M vẫn cương quyết xin ly hôn với anh N. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh N là không có căn cứ. Thật sự hiện nay, chị M và anh N không còn sống chung và chăm sóc lo lắng với nhau như vợ như chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã 03 năm không thể hàn gắn được, chị M

cương quyết xin ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Anh N không có căn cứ chứng minh về việc đoàn tụ lại được với chị M. Do đó, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh N.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống chị M và anh N có 04 con chung tên Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 17/02/2002; Trần Thị Mỹ Quyên, sinh ngày 06/11/2004; Trần Thị Tú Phương, sinh ngày 08/3/2010; Trần Gia Bảo, sinh ngày 03/12/2013 hiện do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị M và anh N sống ly thân cho đến nay anh N vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ, các cháu vẫn phát triển bình thường. Do đó, không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết nên giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, để các cháu được ổn định tâm lý và việc học hành; anh N cũng đồng ý khi ly hôn anh sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cả 04 con chung theo yêu cầu của chị M. Mặt khác, cháu Thùy Trang, Mỹ Quyên, Tú Phương đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của các cháu Thùy Trang, Mỹ Quyên, Tú Phương theo quy định của pháp luật. Các cháu muốn sống với cha khi cha mẹ ly hôn, xét thấy hiện tại chị M cũng không thể trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên được vì chị M đang phải đi làm ăn xa, hiện tại chị đi làm thuê tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M và sự thỏa thuận của anh N, giao cả 04 con chung chưa thành niên cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh N, không trái với quy định pháp luật nên ghi nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị M và anh N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí* Chị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Lâm N.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Lâm N có 04 con chung tên Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 17/02/2002; Trần Thị Mỹ Quyên, sinh ngày 06/11/2004; Trần Thị Tú Phương, sinh ngày 08/3/2010; Trần Gia Bảo, sinh ngày

03/12/2013. Giao cả 04 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con (do anh N không có yêu cầu).

Chị Nguyễn Thị M được quyền thăm nom, chăm sóc, giám sát con chung, không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002134 ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm; chị M đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn; có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Thế Trang Đền**